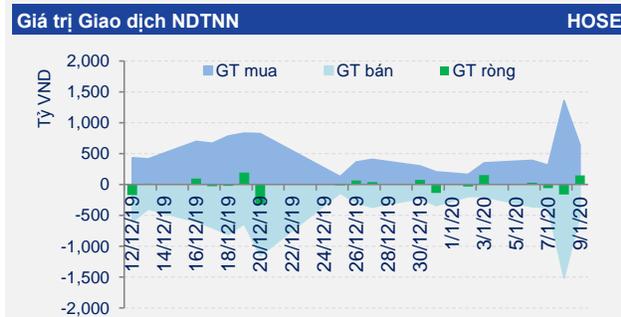
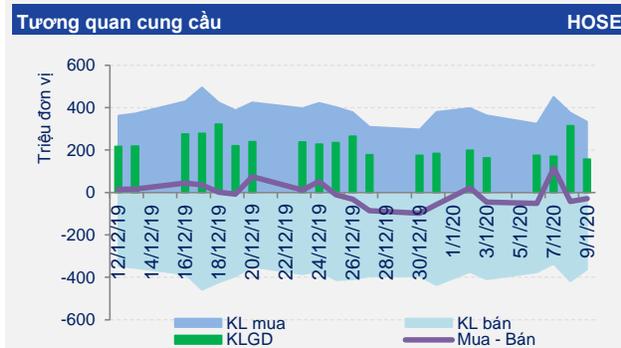


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/1/2020

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|------------|
| Index | 960.15 | 101.25 |
| % Thay đổi | ↑ 1.18% | ↑ 0.92% |
| KLGD (CP) | 156,704,789 | 24,651,514 |
| GTGD (tỷ đồng) | 2,841.30 | 303.72 |
| Tổng cung (CP) | 363,144,560 | 46,399,900 |
| Tổng cầu (CP) | 333,942,120 | 47,246,300 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 14,435,677 | 779,016 |
| KL mua (CP) | 16,155,060 | 405,100 |
| GTmua (tỷ đồng) | 642.37 | 2.33 |
| GT bán (tỷ đồng) | 495.76 | 8.54 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 146.61 | (6.22) |



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 1.01% | 12.7 | 2.5 | 2.3% |
| Công nghiệp | ↑ 0.18% | 13.5 | 2.7 | 12.3% |
| Dầu khí | ↑ 0.24% | 18.9 | 2.0 | 4.1% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.91% | 16.3 | 4.3 | 2.5% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 1.06% | 13.5 | 2.3 | 0.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.61% | 18.5 | 5.1 | 17.0% |
| Ngân hàng | ↑ 2.79% | 11.7 | 2.4 | 31.2% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 1.90% | 12.7 | 1.5 | 9.6% |
| Tài chính | ↑ 0.85% | 20.5 | 3.9 | 17.7% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↓ -1.13% | 13.5 | 2.9 | 2.9% |
| VN - Index | ↑ 1.18% | 15.6 | 3.6 | 105.1% |
| HNX - Index | ↑ 0.92% | 8.9 | 1.5 | -5.1% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Bài phát biểu của Tổng thống Trump đã phần nào đó xoa dịu được tình hình căng thẳng giữa Mỹ và Iran, qua đó giúp tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán trở nên tích cực hơn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 11,17 điểm (+1,18%) lên 960,15 điểm; HNX-Index tăng 0,92 điểm (+0,92%) lên 101,25 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 3.582 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 191 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.058 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 336 mã tăng, 95 mã tham chiếu, 175 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu gia tăng ngay từ đầu phiên và được duy trì tốt cho đến hết phiên giao dịch. Nhóm cổ phiếu trụ cột mà đặc biệt là các cổ phiếu ngân hàng và nhóm VinGroup thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng tích cực, có thể kể đến như BID (+5,4%), VCB (+2%), CTG (+3,7%), VRE (+4%), VHM (+1%), SAB (+1,7%), VIC (+0,3%), MSN (+1,8%), TCB (+1,3%), VJC (+1%)... là động lực chính kéo thị trường hồi phục. Cổ phiếu dầu khí lao dốc theo đà của giá dầu thế giới với PVD (-2,9%), PVS (-2,1%), BSR (-3,7%), OIL (-3,6%), PVB (-2,7%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Iran hạ nhiệt đã khiến cho các thị trường chứng khoán châu Á đồng loạt hồi phục và thị trường Việt Nam cũng diễn biến theo hướng tích cực. VN-Index hồi phục hơn 1% vốn hóa, tuy nhiên thanh khoản khớp lệnh lại suy giảm xuống dưới mức trung bình 20 phiên với chỉ khoảng 2.500 tỷ đồng trên hai sàn cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh. Khối ngoại quay trở lại mua ròng với khoảng 140 tỷ đồng trên hai sàn là một điểm tích cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 1/2020 duy trì basis âm 2,96 điểm so với chỉ số cơ sở VN30 cho thấy nhà đầu tư vẫn chưa thực sự tin tưởng vào đà tăng của thị trường. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 10/1, VN-Index có thể sẽ quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 950-970 điểm như diễn biến của năm tuần trước đó. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và giải ngân thêm nếu như thị trường có nhịp test lại ngưỡng hỗ trợ quanh 940 điểm (đáy tháng 6/2019). Nhà đầu tư ngắn hạn sau khi đã mua vào khi thị trường test ngưỡng 950 điểm trong phiên 8/1 có thể tiếp tục áp dụng chiến lược mua thấp bán cao (buy low sell high) trong giai đoạn này với ngưỡng hỗ trợ và kháng cự gần nhất lần lượt tại 950 điểm và 970 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/1/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu bắt đầu từ đầu phiên giao dịch và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 960,73 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 11,17 điểm (+1,18%) lên 960,15 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID tăng 2.550 đồng, VCB tăng 1.700 đồng, CTG tăng 800 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 1.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay với lực cầu gia tăng từ đầu phiên sáng và được duy trì cho đến hết phiên chiều. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 101,741 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,92 điểm (+0,92%) lên 101,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 300 đồng, SHB tăng 100 đồng, IDC tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 146,64 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu. PNJ là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 80,6 tỷ đồng tương ứng với 886 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 21,2 tỷ đồng tương ứng với 950 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 22,5 tỷ đồng tương ứng với 255 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 6,23 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 374 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,6 tỷ đồng tương ứng với 410 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NDN với 3 tỷ đồng tương ứng với 185,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 806 triệu đồng tương ứng với 119 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục mạnh trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên ngay trên ngưỡng 960 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 133 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 960 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 10/1, VN-Index có thể sẽ quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 950-970 điểm như diễn biến của năm tuần trước đó.

HNX-Index:



HNX-Index hồi phục khá tốt trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên trên ngưỡng 101 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 22 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 102,2 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 103,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 10/1, VN-Index có thể sẽ quay trở lại trạng thái giằng co và tích lũy trong khoảng 101-103,5 điểm như diễn biến năm tuần trước đó.



TIN TRONG NƯỚC

| | |
|-------------------------------------|--|
| Giá vàng trong nước giảm | Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 43,14 - 44,34 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 360.000 đồng ở chiều mua vào và giảm 710.000 đồng/lượng ở chiều bán ra. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 8 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 9/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.173 VND/USD, tăng 8 đồng so với hôm qua. |
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 12,3 USD/ounce tương ứng 0,79% xuống mức 1.547,9 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) tăng 0,062 điểm tương ứng với 0,06% lên 97,058 điểm. USD giảm so với EUR xuống mức: 1 EUR đổi 1,1111 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3081 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,36 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WT tăng 0,37 USD/thùng tương ứng 0,62% lên mức 59,98 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/1, chỉ số Dow Jones tăng 161,41 điểm tương ứng 0,56% lên 28.745,09 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 60,66 điểm tương ứng 0,67% lên 9.129,24 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 15,87 điểm tương ứng 0,49% lên 3.253,05 điểm. |

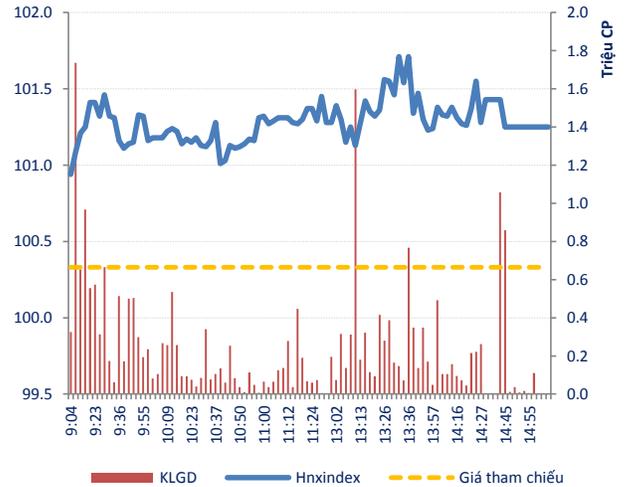


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

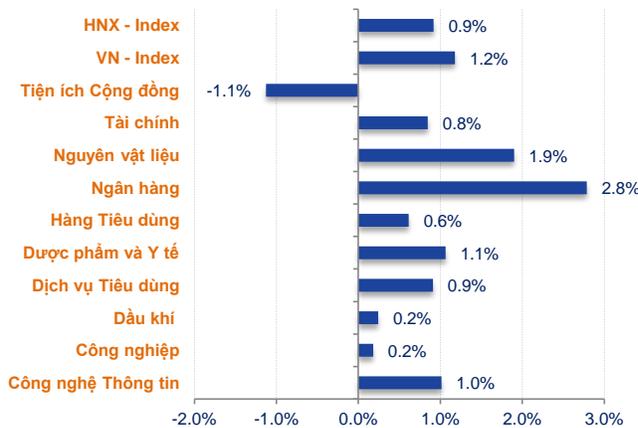
KLGD và VN-Index trong phiên



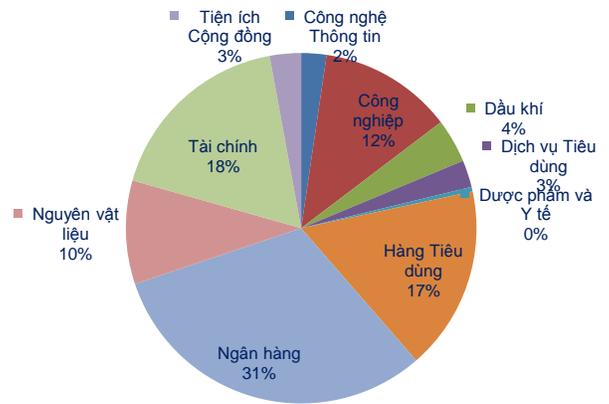
KLGD và HNX-Index trong phiên



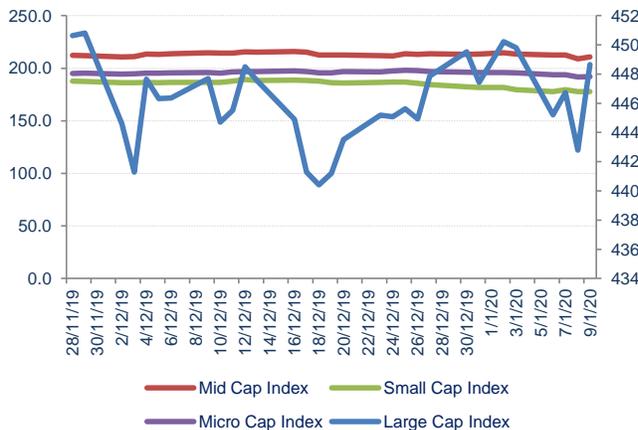
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



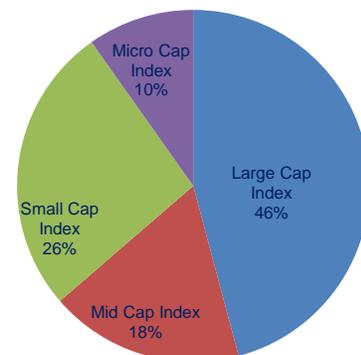
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | CTG | 950,580 | KBC | 732,260 |
| 2 | PNJ | 886,550 | POW | 654,550 |
| 3 | VRE | 604,010 | SSI | 449,140 |
| 4 | HSG | 516,300 | VCI | 391,837 |
| 5 | BID | 424,580 | DXG | 359,630 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | ART | 119,300 | CEO | 410,300 |
| 2 | PVC | 119,300 | NDN | 185,500 |
| 3 | VIG | 53,300 | TIG | 36,000 |
| 4 | NBC | 9,700 | INN | 18,000 |
| 5 | IVS | 7,500 | SCI | 16,300 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| EIB | 17.30 | 17.45 | ↑ 0.87% | 10,146,500 |
| DLG | 2.38 | 2.36 | ↓ -0.84% | 9,677,500 |
| CTG | 21.65 | 22.45 | ↑ 3.70% | 8,592,300 |
| ROS | 14.00 | 13.05 | ↓ -6.79% | 7,482,760 |
| FLC | 4.28 | 4.31 | ↑ 0.70% | 5,811,070 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| SHB | 6.40 | 6.50 | ↑ 1.56% | 4,564,607 |
| PVS | 18.90 | 18.50 | ↓ -2.12% | 2,812,511 |
| NVB | 9.20 | 9.30 | ↑ 1.09% | 2,668,100 |
| ACB | 22.10 | 22.40 | ↑ 1.36% | 1,422,258 |
| TAR | 28.10 | 28.50 | ↑ 1.42% | 995,510 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|------|----------|
| CNVL1901 | 0.35 | 0.44 | 0.09 | ↑ 25.71% |
| CMBB1904 | 0.40 | 0.48 | 0.08 | ↑ 20.00% |
| CVRE1903 | 1.66 | 1.90 | 0.24 | ↑ 14.46% |
| CHPG1908 | 1.58 | 1.80 | 0.22 | ↑ 13.92% |
| CGMD1901 | 0.47 | 0.52 | 0.05 | ↑ 10.64% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| ACM | 0.30 | 0.40 | 0.10 | ↑ 33.33% |
| NHP | 0.40 | 0.50 | 0.10 | ↑ 25.00% |
| DST | 0.80 | 0.90 | 0.10 | ↑ 12.50% |
| POT | 14.00 | 15.40 | 1.40 | ↑ 10.00% |
| HBS | 2.00 | 2.20 | 0.20 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|-------|----------|
| CREE1902 | 1.31 | 1.18 | -0.13 | ↓ -9.92% |
| ST8 | 17.95 | 16.70 | -1.25 | ↓ -6.96% |
| FIT | 9.52 | 8.86 | -0.66 | ↓ -6.93% |
| PTL | 4.20 | 3.91 | -0.29 | ↓ -6.90% |
| LMH | 5.96 | 5.55 | -0.41 | ↓ -6.88% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| HKB | 0.80 | 0.70 | -0.10 | ↓ -12.50% |
| VNT | 50.40 | 45.40 | -5.00 | ↓ -9.92% |
| CTT | 8.10 | 7.30 | -0.80 | ↓ -9.88% |
| TJC | 7.10 | 6.40 | -0.70 | ↓ -9.86% |
| SMT | 22.60 | 20.40 | -2.20 | ↓ -9.73% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| EIB | 10,146,500 | 4.1% | 517 | 33.7 | 1.4 |
| DLG | 9,677,500 | 3250.0% | 330 | 7.1 | 0.2 |
| CTG | 8,592,300 | 8.6% | 1,643 | 13.7 | 1.1 |
| ROS | 7,482,760 | 2.9% | 299 | 43.7 | 1.2 |
| FLC | 5,811,070 | 3.2% | 405 | 10.7 | 0.3 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 4,564,607 | 13.6% | 1,963 | 3.3 | 0.4 |
| PVS | 2,812,511 | 7.7% | 2,057 | 9.0 | 0.7 |
| NVB | 2,668,100 | 1.2% | 127 | 73.3 | 0.9 |
| ACB | 1,422,258 | 25.1% | 3,570 | 6.3 | 1.5 |
| TAR | 995,510 | 9.4% | 1,168 | 24.4 | 2.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---------|---------|-----|-----|-----|-----|
| CVNL190 | ↑ 25.7% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| MBB190 | ↑ 20.0% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| VRE190 | ↑ 14.5% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| HPG190 | ↑ 13.9% | N/A | N/A | N/A | N/A |
| GMD190 | ↑ 10.6% | N/A | N/A | N/A | N/A |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| ACM | ↑ 33.3% | -1.2% | (114) | - | 0.0 |
| NHP | ↑ 25.0% | -30.3% | (2,650) | - | 0.1 |
| DST | ↑ 12.5% | -3.3% | (353) | - | 0.1 |
| POT | ↑ 10.0% | 5.9% | 957 | 16.1 | 1.0 |
| HBS | ↑ 10.0% | 1.5% | 171 | 12.9 | 0.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| CTG | 950,580 | 8.6% | 1,643 | 13.7 | 1.1 |
| PNJ | 886,550 | 26.8% | 4,825 | 17.9 | 4.7 |
| VRE | 604,010 | 9.4% | 1,170 | 29.1 | 2.8 |
| HSG | 516,300 | 6.9% | 873 | 9.3 | 0.6 |
| BID | 424,580 | 12.6% | 2,039 | 24.3 | 2.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|-------|-------|-----|
| ART | 119,300 | 5.1% | 558 | 4.3 | 0.2 |
| PVC | 119,300 | 4.5% | 857 | 8.0 | 0.4 |
| VIG | 53,300 | -11.7% | (719) | - | 0.1 |
| NBC | 9,700 | 14.4% | 1,825 | 3.5 | 0.5 |
| IVS | 7,500 | 0.8% | 64 | 148.8 | 0.9 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 387,965 | 4.0% | 1,361 | 84.3 | 5.0 |
| VCB | 328,977 | 26.3% | 5,269 | 16.8 | 4.0 |
| VHM | 274,017 | 31.9% | 5,372 | 15.5 | 5.1 |
| VNM | 206,527 | 38.2% | 6,134 | 19.3 | 7.6 |
| BID | 199,693 | 12.6% | 2,039 | 24.3 | 2.5 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 37,106 | 25.1% | 3,570 | 6.3 | 1.5 |
| VCG | 11,219 | 8.8% | 1,563 | 16.3 | 1.7 |
| VCS | 10,768 | 45.7% | 8,576 | 7.8 | 3.5 |
| PVS | 8,842 | 7.7% | 2,057 | 9.0 | 0.7 |
| SHB | 7,820 | 13.6% | 1,963 | 3.3 | 0.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| TTB | 4.76 | 7.1% | 790 | 4.9 | 0.3 |
| TSC | 3.75 | 0.4% | 45 | 61.7 | 0.3 |
| PIT | 3.31 | -0.5% | (44) | - | 0.5 |
| CLG | 3.01 | -62.2% | (5,548) | - | 0.4 |
| DXG | 2.64 | 19.1% | 2,956 | 4.6 | 1.0 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| ACM | 6.00 | -1.2% | (114) | - | 0.0 |
| MBG | 4.51 | 2.4% | 272 | 58.0 | 1.5 |
| ALT | 4.31 | 4.6% | 1,712 | 6.4 | 0.3 |
| HKB | 3.45 | -39.2% | (2,770) | - | 0.1 |
| NSH | 3.24 | -1.0% | (111) | - | 0.2 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
